|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM  **TRƯỜNG THCS YÊN VIÊN** | **NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**  **MÔN:** [**SINH HỌC**](https://vndoc.com/sinh-hoc-lop-8) **LỚP 8**  **Năm học: 2021- 2022** |

**Giáo viên: NGUYỄN THỊ THANH ĐỒNG**

***PHẦN I: MỘT SỐ KIẾN THỨC CẦN NHỚ***

***1. Cấu tạo và chức năng các hệ cơ quan:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Hệ cơ quan*** | ***Các cơ quan trong từng hệ cơ quan*** | ***Chức năng của hệ cơ quan*** |
| * Hệ vận động. * Hệ tiêu hóa. * Hệ tuần hoàn. * Hê hô hấp. * Hệ bài tiết. * Hệ thần kinh. | * Xương, cơ. * Ống tiêu hóa, tuyến tiêu hóa. * Tim và hệ mạch. * Phổi, đường dẫn khí (mũi, họng, khí quản, phế quản). * Thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, ống đái. * Não, tủy sống, dây thần kinh, hạch thần kinh. | * Nâng đỡ, vận động cơ thể. * Tiếp nhận biển đổi thức ăn thành dinh dưỡng để cung cấp cho cơ thể. * Vận chuyển O2, dinh dưỡng đến cho tế bào. Vận chuyển CO2, chất thải từ tế bào đến các cơ quan bài tiết. * Trao đổi khí. * Lọc từ máu chất thải để đưa ra ngoài môi trường. * Điều hòa hoạt động cơ thể. Tiếp nhận trả lời kích thích của môi trường. |

***2: Phản xạ là gì? Cho ví dụ về phản xạ. Lấy ví dụ?***

- Phản xạ là phản ứng của cơ thể nhằm trả lời với các kích thích từ môi trường bên ngoài và môi trường trong cơ thểdưới sự điều khiển của hệ thần kinh

- Ví dụ: để tay vao nước nóng 100oC, ta thấy da cảm thấy nóng

***3. Cung phản xạ là gì?***

Cung phản xạ: là con đường mà luồng xung thần kinh từ cơ quan thụ cảm qua trung ương thần kinh đến cơ quan phản ứng.

***4. Cấu tạo và chức năng của nơron?***

Cấu tạo:

+ Thân chứa nhân, xung quanh là những tua ngắn phân nhánh gọi là sợi nhánh

+ Tua dài: gọi là sợi trục, trên sợi trục có bao mielin và ximap.

Chức năng:

+ Cảm ứng: là khả năng tiếp nhận các kích thích và phản ứng lại các kích thích bằng hình thức phát sinh xung thần kinh.

+ Dẫn truyền xung thần kinh là khả năng lan truyền xung thần kinh theo 1 chiều nhất định.

***5. Bộ xương người được chia thành các phần nào? Chức năng bộ xương người? Đặc điểm của từng loại*** ***khớp?***

* Bộ xương người chia thành 3 phần:

+ Xương đầu: ............

+ Xương thân ...........

+ Xương chi............

Các xương liên hệ nhau bởi khớp xương.

* Chức năng bộ xương: + Tạo khung giúp cơ thể có hình dạng nhất định

+ Làm chỗ bám cho các cơ giúp cơ thể vận động

+ Bảo vệ các nội quan

* Đặc điểm của từng loại khớp:

+ Khớp bất động: là loại khớp không thể cử động được.

+ Khớp bán động là loại khớp cử động hạn chế.

+ Khớp động: Là loại khớp cử động dễ dàng nhờ hai đầu xương có sụn bao đầu khớp nằm trong bao chứa dịch khớp.

***6. Trình bày cấu tạo và chức năng của xương dài?***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của xương** | **Cấu tạo** | **Chức năng** |
| Đầu xương | - Sụn bọc đầu xương  - Mô xương xốp: gồm các nan xương | - Giảm ma sát  - Phân tán lực + Tạo các ô chứa tuỷ đỏ |
| Thân xương | - Màng xương  - Mô xương cứng  - Khoang xương | - Giúp xương to ra về bề ngang  - Chịu lực  - Chứa tuỷ đỏ ở trẻ em và tuỷ vàng ở người lớn |

***7. Thành phần hoá học của xương? Xương to ra do đâu? Dài ra do đâu?***

Thành phần hoá học của xương bao gồm hai phần chính:

* Cốt giao: làm cho xương có tính mềm dẻo
* Muối khoáng: Làm cho xương bền chắc.

Xương to ra là do sự phân chia tế bào ở màng xương

Xương dài ra là do sự phân chia tế bào ở lớp sụn tăng trưởng.

***8. Trình bày tính chất của cơ? Ý nghĩa?***

**Tính chất:**

* Tính chất cơ bản của cơ là co và giãn.
* Cơ co khi có sự kích thích từ môi trường ngoài.
* Sự co cơ là khi tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho cơ ngắn lại.

**Ý nghĩa:** Làm cho xương cử động dẫn đến sự vận động của cơ thể.

***9. Phân tích những đặc điểm của bộ xương và hệ cơ người thích nghi với tư thế đứng thẳng và lao*** ***động?***

* Hộp sọ phát triển
* Lồng ngực nở rộng sang hai bên.
* Cột sống cong ở 4 chổ
* Xương chậu nở, xương đùi lớn.
* Cơ mông, cơ đùi, cơ bắp chân phát triển.
* Bàn chân hình vòm, xương gót chân phát triễn.
* Chi trên có các khớp linh hoạt, ngón cái đối diện với các ngón còn lại.
* Cơ vận động cánh tay, cẳng tay, bàn tay và đặc biệt cơ vận động ngón cái phát triển.

***10. Máu gồm những thành phần cấu tạo nào? Nêu chức năng của hồng cầu và huyết tương?***

Máu gồm huyết tương (55%) và các tế bào máu (45%). Các tế bào máu bao gồm: Hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu.

+ Hồng cầu: mauf hồng, hình đĩa, lõm 2 mặt

+ Bạch cầu: Có kích thước lớn, có nhân, chia thành 5 loại: BC trung tính, ưa axit, ưa kiềm, mono, limpho.

+ Tiểu cầu: Thực chất chỉ là các mảnh chất tế bào của TB sinh tiểu cầu.

Vai trò của huyết tương

* Duy trì máu ở trạng thái lỏng để lưu thông dễ dàng trong mạch
* Vận chuyển các chất dinh dưỡng, các chất cần thiết khác và các chất thải.

Vai trò của hồng cầu: Vận chuyển oxy và cacbonic

***11. Môi trường trong cơ thể gồm những thành phần nào? Vai trò của môi trường trong cơ thể ?***

* Môi trường trong cơ thể gồm: Máu, nước mô và bạch huyết.
* Môi trường trong cơ thể giúp tế bào thường xuyên liên hệ với môi trường ngoài trong quá trình trao đổi chất.

***12. Miễn dịch là gì? Thế nào là miễn dịch tự nhiên và miễn dịch nhân tạo?***

* Miễn dịch là khả năng cơ thể không bị mắc một bệnh nào đó dù ở trong môi trường có mầm bệnh.
* Miễn dịch tự nhiên: là hiện tượng cơ thể không mắc một số bệnh hoặc không mắc lại bệnh đã từng nhiễm.
* Miễn dịch nhân tạo: Là khi người được tiêm vacxin phòng bệnh nào đó thì không mắc bệnh.

***13. Tiểu cầu đã tham gia bảo vệ cơ thể chống mất mau như thế nào? Ý nghĩa của sự đông máu?***

Khi mạch máu bị đứt, tiểu cầu vỡ giải phóng enzym ra huyết tương để hình thành các tơ máu -> một búi tơ máu to ôm giữ các tế bào thành một khối máu đông bịt kín vết thương.

Ý nghĩa: Hạn chế chảy máu và chống mất máu cho cơ thể.

***14. Các nhóm máu ở người? Sơ đồ mối quan hệ cho - nhận máu? Nguyên tắc truyền máu?***

* Ở người có các nhóm máu sau:

+ Nhóm máu O + Nhóm máu A + Nhóm máu B + Nhóm máu AB

\* Sơ đồ MQH cho và nhận máu:

A

A

AB

O

O

B

AB

B

* Nguyên tắc truyền máu: Khi truyền máu cần chú ý:

+ Xét nghiệm để lựa chọn loại máu truyền cho phù hợp ( Kháng nguyên trong hồng cầu của người cho và kháng thể trong huyết tương của người nhận)

+ Tránh nhận máu đã nhiễm các tác nhân gây bệnh.

***15. Mô tả đường đi của máu trong vòng tuần hoàn lớn và nhỏ? Vai trò?***

* Vòng tuần hoàn nhỏ: máu đỏ thẩm đi từ tâm thất phải đi theo động mạch phổi đến phổi, thải CO2 và nhận O2, máu trở thành máu đỏ tươi theo tĩnh mạch phổi trở về tâm nhĩ trái.
* Vòng tuần hoàn lớn: Máu đỏ tươi từ tâm thất trái theo động mạch chủ đến các cơ quan. Cung cấp O2và chất dinh dưỡng, nhận CO2 và chất bã, máu trở thành máu đỏ thẩm theo tĩnh mạch chủ trên và tĩnh mạch chủ dưới trở về tâm nhĩ phải.
* Vai trò: thực hiện chu trình luân chuyển môi trường trong cơ thể và tham gia bảo vệ cơ thể.

***16. Chu kì co giãn của tim?***

Tim co giãn theo chu kỳ, mỗi chu kỳ gồm 3 pha: Pha nhĩ co, pha thất co, pha giãn chung. sự phối hợp hoạt động của các thành phần cấu tạo tim qua ba pha làm cho máu được bơm theo một chiều từ tâm nhĩ vào tâm thất và từ tâm thất vào động mạch.

***17. Cấu tạo của mạch máu?***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các loại mạch máu** | **Cấu tạo** | **Chức năng** |
| Động mạch | –  Thành gồm 3 lớp với lớp mô liên kết và lớp cơ trơn dày  –  Lòng hẹp hơn lòng tĩnh mạch | Dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao và áp lực lớn |
| Tĩnh mạch | –  Thành cũng có 3 lớp nhưng lớp mô LK và cơ trơn mỏng hơn động mạch  –  Lòng rộng hơn ĐM  –  Có van một chiều ở TM chủ dưới | Dẫn máu từ khắp các tế bào của cơ thể về tim với vận tốc và áp lực nhỏ. |
| Mao mạch | –  Nhỏ phân nhánh nhiều  –  Thành mỏng chỉ gồm một lớp biểu bì.  –  Lòng hẹp | Toả rộng đến từng tế bào của các mô, tạo điều kiện cho sự trao đổi chất với các tế bào. |

***18. Sự vận chuyển máu qua hệ mạch:***

Nhờ 1 sức đẩy do tim tạo ra (tâm thất co). Sức đẩy này tạo nên một áp lực trong mạch máu, gọi là huyết áp (huyết áp tối đa khi tâm thất co và tối thiểu khi tâm thất dãn) và vận tốc máu trong mạch.

***19. . Thức ăn và sự tiêu hoá:***

Thức ăn gồm các chất vô cơ và hữu cơ .

- Hoạt động tiêu hoá gồm: ăn và uống, đẩy thức ăn vào ống tiêu hóa, tiêu hoá thức ăn, hấp thụ dinh dưỡng, thải phân .

- Nhờ quá trình tiêu hoá, thức ăn biến đổi thành chất dinh dưỡng mà cơ thể có thể hấp thụ được qua thành ruột và thải bỏ các chất thừa không thể hấp thụ được

***20.. Các cơ quan tiêu hoá***

hệ tiêu hóa gồm:

- Ống tiêu hoá: Miệng, hầu, thực quản, dạ dày, ruột (ruột non, ruột già), hậu môn

- Tuyến tiêu hoá: Tuyến nước bọt, gan, tuyến tuỵ, tuyến vị, tuyến ruột, túi mật

***21. Tiêu hóa ở khoang miệng***

+ Tinh bột trong cơm dưới tác dụng của enzim amilaza biến đổi thành đường mantôzơ t/đ lên gai vị giác lưỡi ngọt

+ tạo điều kiện để thức ăn ngấm dịch trong nước bọt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Biến đổi thức ăn ở khoang miệng** | **Các hoạt động tham gia** | **Các thành phần thực hiện** | **Tác dụng của hoạt động** |
| Biến đổi lí học | - Tiết nước bọt  - Nhai  - Đảo trộn thức ăn  - Tạo viên thức ăn | - các tuyến nước bọt  - Răng  - Răng, lưỡi, các cơ môi và má  - Răng, lưỡi, các cơ môi và má | - Làm ướt và mềm thức ăn  - Làm mềm và nhuyễn thức ăn  - Làm thức ăn thấm đẫm nước bọt  - Tạo viên thức ăn vừa nuốt |
| Biến đổi hóa học | Hoạt động của enzim amilaza trong nước bọt | Enzim amilaza | Biến đổi 1 phần tinh bột chín trong thức ăn thành đường mantozơ |

***22. Nuốt và đẩy thức ăn qua thực quản***

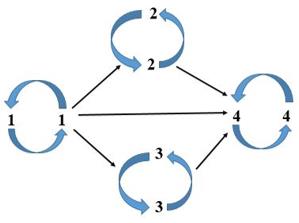
+ Nuốt diễn ra nhờ hoạt động của lưỡi là chủ yếu và có thể tác dụng đẩy thức ăn qua thực quản.

+ Lực đẩy viên thức ăn qua thực quản xuống dạ dày nhờ sự co, dãn cơ thực quản.

+ Thức ăn qua thực quản không biến đổi về mặt lý học và hoá học

**PHẦN II: LUYỆN TẬP**

**Câu 1:Cho sơ đồ truyền máu sau:**



Thứ tự các nhóm máu tương ứng với số 1, 2, 3, 4 trong sơ đồ này lần lượt là:

A: A, AB, B, O. B: B, AB, A, O. C: O, A, B, AB. D: AB, A, B, O.

**Câu 2: Thành phần nào sau đây của máu khi bị vỡ sẽ giải phóng ra enzim tham gia vào sự đông máu?**

A: Bạch cầu limphô T. B: Bạch cầu limphô B.

C: Hồng cầu. D: Tiểu cầu.

**Câu 3: Vận tốc máu thay đổi như thế nào trong hệ mạch?**

A: Giảm dần từ động mạch đến mao mạch, sau đó tăng dần trong tĩnh mạch.

B: Tăng dần từ động mạch đến mao mạch, sau đó giảm dần trong tĩnh mạch.

C: Tăng dần từ mao mạch đến động mạch, sau đó giảm dần trong tĩnh mạch.

D: Giảm dần từ mao mạch đến động mạch, sau đó tăng dần trong tĩnh mạch.

**Câu 4: Cơ quan nào của đường dẫn khí có vai trò quan trọng trong việc phát âm?**

A: Khí quản. B: Thanh quản. C: Phổi. D: Phế quản.

**Câu 5: Bạn An do ăn thức ăn không đảm bảo vệ sinh ở ngoài cổng trường nên bị đau bụng. Có bao nhiêu hệ cơ quan sau đây của bạn An có thể bị ảnh hưởng bởi đồ ăn không đảm bảo vệ sinh này?**

(I). Hệ tiêu hóa. (II). Hệ tuần hoàn. (III). Hệ hô hấp. (IV). Hệ thần kinh.

A: 3. B: 4. C: 2. D: 1.

**Câu 6: Trường hợp nào sau đây là miễn dịch nhân tạo?**

A: Người từ khi sinh ra cho tới hết cuộc đời không bị mắc bệnh lở mồm, long móng của trâu bò.

B: Người bị bệnh thủy đậu rồi khỏi và không bao giờ bị lại bệnh đó nữa.

C: Người có sức đề kháng tốt thì không bị nhiễm bệnh sởi.

D: Người không bị bệnh lao vì đã được tiêm phòng vacxin bệnh này.

**Câu 7: Loại tế bào nào sau đây của máu tạo ra kháng thể?**

A: Bạch cầu limphô T. B: Bạch cầu trung tính.

C: Bạch cầu mônô. D: Bạch cầu limphô B.

**Câu 8: Theo thể tích, thành phần máu người gồm**

A: 55% các tế bào máu và 45% huyết tương. B: 65% các tế bào máu và 35% huyết tương.

C: 45% các tế bào máu và 55% huyết tương. D: 35% các tế bào máu và 65% huyết tương.

**Câu 9: Chất nào sau đây trong thức ăn được hấp thụ trực tiếp mà không cần trải qua quá trình biến đổi về lí học và hóa học?**

A: Prôtêin. B: Nước. C: Gluxit. D:Lipit.

**Câu 10:Luyện tập thể dục thể thao thường xuyên và hợp lí giúp ngăn chặn các bệnh lí về**

(I). tim, mạch.       (II). hô hấp.

(III). cơ, xương khớp. (IV). thần kinh

Số phương án đúng là

A: 1. B: 4. C: 2. D: 3.

**Câu 11: Khi nói về sự trao đổi khí, phát biểu nào sau đây sai?**

A: Cơ thể chỉ lấy được O2  từ môi trường ngoài khi nồng độ O2  trong máu bao quanh các phế nang cao hơn nồng độ O2  có trong các phế nang.

B: Tại phổi, khí O2khuếch tán từ phế nang vào máu và khí CO2  khuếch tán từ máu vào phế nang.

C: Sự trao đổi khí ở phổi và tế bào đều theo cơ chế khuếch tán từ nơi có nồng độ cao tới nơi có nồng độ thấp.

D: Tại tế bào, khí O2khuếch tán từ máu vào tế bào và khí CO2  khuếch tán từ tế bào vào máu.

**Câu 12: Hệ cơ quan nào sau đây có chức năng biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng mà cơ thể có thể hấp thụ được?**

A: Hệ tuần hoàn. B: Hệ tiêu hóa.

C: Hệ bài tiết. D:Hệ hô hấp.

**Câu 13: Hệ bài tiết của người gồm những cơ quan nào sau đây?**

A: Tim, động mạch, tĩnh mạch, mao mạch, mạch bạch huyết.

B: Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.

C: Thận, bóng đái, ống dẫn nước tiểu, ống đái.

D: Mũi, khí quản, phế quản, phổi.

**Câu 14: Hệ cơ quan nào sau đây ở người có chức năng điều khiển và phối hợp hoạt động của các hệ cơ quan khác trong cơ thể?**

A: Hệ hô hấp. B: Hệ thần kinh.

C: Hệ tuần hoàn. D: Hệ bài tiết.

**Câu 15: Thành phần nào sau đây của máu chỉ là các mảnh chất tế bào?**

A: Hồng cầu. B: Bạch cầu mônô.

C: Bạch cầu limphô. D: Tiểu câu.

**Câu 16: Xương lớn lên về bề ngang nhờ sự phân chia của các..,, xương dài ra nhờ sự phân chia của các …..tăng trưởng.**

Các cụm từ thích hợp cần điền vào ô trống trên theo thứ tự là

A: tế bào mô cơ và tế bào lớp sụn. B: tế bào xương và tế bào mô liên kết.

C: tế bào lớp sụn và tế bào xương. D: tế bào xương và tế bào lớp sụn.

**Câu 17: Khi đang hoạt động mà bị chuột rút thì không nên**

A: hít thở sâu để cung cấp ôxi cho cơ thể.

B: hoạt động tiếp để cơ dãn ra.

C: xoa bóp bắp cơ.

D: dừng ngay hoạt động.

**Câu 18: Trường hợp nào sau đây sẽ gây nên hiện tượng kết dính?**

A: Nhóm máu O truyền cho nhóm máu AB.

B: Nhóm máu A truyền cho nhóm máu AB.

C: Nhóm máu B truyền cho nhóm máu AB.

D: Nhóm máu AB truyền cho nhóm máu A.

**Câu 19: Khi chạy, ngoài hệ vận động đang làm việc với cường độ lớn thì các hệ cơ quan khác trong cơ thể cũng tăng cường hoạt động, tim đập nhanh và mạnh hơn, mạch máu dãn, thở nhanh và sâu. Điều này chứng tỏ:**

A: các cơ quan trong cơ thể là một khối thống nhất, có sự phối hợp với nhau.

B: các cơ quan trong cơ thể chịu sự điều khiển của hệ vận động.

C: các cơ quan trong cơ thể đều đảm nhiệm chức năng vận động cơ thể.

D: các cơ quan trong cơ thể chỉ hoạt động khi hệ vận động hoạt động.

**Câu 20: Hệ cơ quan nào sau đây ở người có chức năng nâng đỡ và vận động cơ thể?**

A: Hệ bài tiết. B: Hệ tuần hoàn.

C: Hệ vận động. D: Hệ hô hấp.

**Câu 21: Khi hít vào thì cơ liên sườn ngoài và cơ hoành hoạt động như thế nào?**

A: Cơ liên sườn ngoài co, cơ hoành dãn.

B: Cơ liên sườn ngoài co, cơ hoành co.

C: Cơ liên sườn ngoài dãn, cơ hoành dãn.

D: Cơ liên sườn ngoài dãn, cơ hoành co.

**Câu 22: Chất nào sau đây trong thức ăn được hấp thụ trực tiếp mà không cần trải qua quá trình biến đổi về lí học và hóa học?**

A: Gluxit. B: Prôtêin. C: Lipit. D: Vitamin.

**Câu 23: Theo sơ đồ truyền máu, trường hợp nào sau đây không gây hiện tượng kết dính?**

A: Nhóm máu B truyền cho nhóm máu A.

B: Nhóm máu AB truyền cho nhóm máu O.

C: Nhóm máu O truyền cho nhóm máu AB.

D: Nhóm máu A truyền cho nhóm máu B.

**Câu 24: Với những người bị thương gây chảy máu động mạch ở tay (chân), sau khi sơ cứu buộc garô thì cứ sau 15 phút lại phải nới lỏng và buộc lại dây garô. Việc làm này nhằm mục đích nào sau đây?**

A: Giúp cho tay (hoặc chân) có thể dễ dàng cử động theo ý muốn.

B: Giúp dây garô không bị tuột ra dẫn đến bị mất máu nhiều.

C: Giúp cho máu trong động mạch bị tổn thương không chảy ngược về tim.

D: Giúp cho các mô dưới vết buộc không bị chết do thiếu ôxi và các chất dinh dưỡng.

**Câu 25: Qua quá trình tiêu hóa, chất nào sau đây trong thức ăn được biến đổi thành glixêrin và axit béo?**

A: Gluxit. B: Vitamin. C: Lipit. D:Prôtêin.

**Câu 26: Loại tế bào nào sau đây của máu tạo ra kháng thể?**

A: Bạch cầu trung tính. B: Bạch cầu limphô B.

C: Bạch cầu limphô T. D: Bạch cầu mônô.

**Câu 26: Chất nhày trong dịch vị bao phủ bề mặt niêm mạc dạ dày có tác dụng**

A: dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày.

B: hoạt hóa enzim làm tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn.

C: tiết ra chất tiêu diệt virut gây hại.

D: ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl.

**Câu 27: Hệ cơ quan nào sau đây ở người có chức năng đảm bảo sự thích ứng của cơ thể trước những thay đổi của môi trường?**

A: Hệ hô hấp. B: Hệ tuần hoàn. C: Hệ bài tiết. D: Hệ thần kinh.

**Câu 28: Để hệ cơ phát triển tốt cần tránh thói quen nào sau đây?**

A: Ngồi nhiều.

B: Luyện tập thể dục thể thao hợp lí.

C: Lao động vừa sức.

D: Ăn uống khoa học.

**Câu 29: Nguyên nhân của bệnh xơ vữa động mạch là do**

A: các chất côlesterôn và ion canxi ngấm vào thành mạch làm cho mạch bị hẹp lại, thành mạch không còn nhẵn.

B: một số muối canxi, muối phôtphat, muối urat kết tinh, tạo các tinh thể bám lên thành mạch, làm mạch bị hẹp lại.

C: các chất độc như thủy ngân, asenic và các độc tố bám thành từng mảng trên thành mạch làm cho mạch bị hẹp lại.

D: một số muối canxi, muối phôtphat, muối urat ngấm vào thành mạch làm cho mạch bị hẹp lại, không còn nhẵn.

**Câu 30: Thức ăn được đẩy từ dạ dày xuống ruột nhờ hoạt động những cơ nào sau đây?**

(I) Sự co bóp của cơ vòng tâm vị.

(II) Sự co bóp của cơ vòng môn vị.

(III) Sự co bóp của các cơ thành dạ dày.

(IV). Sự nhu động của ruột non.

A: (II), (IV). B: (II), (III).

C: (I), (IV). D:(III), (IV).

**Câu 31: Chất nào sau đây trong hồng cầu làm cho hồng cầu có đặc tính khi kết hợp với O2  có màu đỏ tươi, khi kết hợp với CO2  có màu đỏ thẫm?**

A: Prôtêin. B: Gluxit. C: Lipit. D:Hêmôglôbin.

**Câu 32: Trong các chất cấu tạo nên tế bào sau đây, chất nào là chất vô cơ?**

A: Gluxit. B: Axit nuclêic. C: Prôtêin. D: Muối khoáng.

**Câu 33: Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng mỏi cơ là do**

A: các gân ở đầu cơ bị dãn và bị tổn thương.

B: cơ thể không cung cấp đủ ôxi làm tích tụ axit lactic.

C: cơ bị dãn ra quá lâu không co lên được.

D: cơ co lại quá nhiều không tự dãn ra được.

**Câu 34:Khi có người bị thương gây chảy máu động mạch ở tay (hoặc chân), cần tiến hành sơ cứu theo các bước nào sau đây?**

A: Bóp mạnh động mạch cánh tay (chân) → sát trùng và băng vết thương → buộc garô ở gần sát và cao hơn vết thương (về phía tim) → đưa ngay đến bệnh viện.

B: Sát trùng và băng vết thương → buộc garô ở gần sát và cao hơn vết thương (về phía tim) → bóp mạnh động mạch cánh tay (chân) → đưa ngay đến bệnh viện.

C: Sát trùng và băng vết thương → bóp mạnh động mạch cánh tay (chân) → buộc garô ở gần sát và cao hơn vết thương (về phía tim) → đưa ngay đến bệnh viện.

D: Bóp mạnh động mạch cánh tay (chân) → buộc garô ở gần sát và cao hơn vết thương (về phía tim) → sát trùng và băng vết thương → đưa ngay đến bệnh viện.

**Câu 35: Bạn An bị đau bụng, qua thăm khám bác sĩ yêu cầu bạn nhịn ăn để nội soi dạ dày. Tuy nhiên bạn An lại ăn sáng trước đó 2 giờ với khẩu phần ăn có đầy đủ các chất. Vậy sau bao lâu nữa bác sĩ có thể nội soi dạ dày cho bạn là tốt nhất?**

A: 4 giờ. B: 6 giờ. C: 5 giờ. D: 7 giờ.

**Câu 36: Bảng sau cho biết thành phần không khí hít vào và thở ra ở người**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | O2 | CO2 | N2 | Hơi nước |
| Khí hít vào | 20,96% | 0,03% | 79,01% | ít |
| Khí thở ra | 16,40% | 4,10% | 79,50% | Bão hòa |

Từ bảng số liệu này, có thể kết luận quá trình hô hấp của cơ thể đã tiêu thụ

A: khí ôxi. B: hơi nước. C: khí cacbônic. D: khí nitơ.

**Câu 37: Để rèn luyện cơ, cần tránh việc làm nào sau đây?**

A: Lao động vừa sức.

B: Tập thể dục hợp lí.

C: Sử dụng các chất kích thích phát triển cơ.

D: Ăn uống khoa học.

**Câu 38: Hệ hô hấp của người gồm những cơ quan nào sau đây?**

A: Tim, động mạch, tĩnh mạch, mao mạch, mạch bạch huyết.

B: Thận, bóng đái, ống dẫn nước tiểu, ống đái.

C: Mũi, khí quản, phế quản, phổi.

D: Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.

**Câu 39. Dạ dày được cấu tạo bởi mấy lớp cơ bản ?**

A. 3 lớp      B. 4 lớp

C. 2 lớp      D. 5 lớp

**Câu 40. Cơ quan nào đóng vai trò chủ yếu trong cử động nuốt ?**

A. Họng      B. Thực quản

C. Lưỡi      D. Khí quản

**Câu 41. Loại đường nào dưới đây được hình thành trong khoang miệng khi chúng ta nhai kĩ cơm ?**

A. Lactôzơ      B. Glucôzơ

C. Mantôzơ       D. Saccarôzơ

**Câu 42. Loại răng nào có vai trò chính là nghiền nát thức ăn ?**

A. Răng cửa

B. Răng hàm

C. Răng nanh

D. Răng cửa, rang nanh.

**Câu 43. Chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác qua quá trình tiêu hoá ?**

A. Vitamin      B. Muối khoáng

C. Gluxit      D. Nước

**Câu 44. Tuyến vị nằm ở bộ phận nào trong ống tiêu hoá ?**

A. Dạ dày      B. Ruột non

C. Ruột già      D. Thực quản

**Câu 45. Cơ quan nào dưới đây không phải là một bộ phận của hệ tiêu hoá ?**

A. Dạ dày      B. Thực quản

C. Thanh quản      D. Gan

**Câu 46. Chất nào dưới đây hầu như không bị biến đổi trong quá trình tiêu hoá thức ăn?**

A. Axit nuclêic

B. Lipit

C. Vitamin

D. Prôtêin

**Câu 47. Khi chúng ta thở ra thì**

A. cơ liên sườn ngoài co.

B. cơ hoành co.

C. thể tích lồng ngực giảm.

D. thể tích lồng ngực tăng.

**Câu 48. Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế**

A. bổ sung.

B. chủ động.

C. thẩm thấu.

D. khuếch tán.

**Câu 49. Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng**

A. hai lần hít vào và một lần thở ra.

B. một lần hít vào và một lần thở ra.

C. một lần hít vào hoặc một lần thở ra.

D. một lần hít vào và hai lần thở ra.

**Câu 50. Huyết áp tối đa đo được khi**

A. tâm nhĩ dãn.

B. tâm thất co.

C. tâm thất dãn.

D. tâm nhĩ co.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập** | **NT/TTCM duyệt** | **BGH duyệt**  **Nguyễn Thị Hồng Hạnh** |